| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LX**<br>**TỈNH AG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án: 10/2020/DS-ST
Ngày: 06/02/2020
*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

*Các Hội thẩm nhân dân*: + Bà Phan Hoàng Mai.

+ Ông Trần Hùng Bích

***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, tỉnh AG tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.LX, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2019/TLST – DS ngày 30 tháng 7 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2019/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST - DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hữu N (tên thường gọi Trần Phú Q), sinh năm 1977; địa chỉ: số 623, khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Bảo Thọ T, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: số 617A đường Hà Hoàng Hổ, khóm ĐA4, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

Ông N có mặt; bà Trinh và ông C vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/07/2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Hữu N trình bày:

Ngày 25/10/2018, ông có cho bà Đỗ Bảo Thọ T vay số tiền 335.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận, thời hạn vay là 3 tháng. Khi vay có làm biên nhận mượn tiền có chữ ký của bà Đỗ Bảo Thọ T thể hiện nội dung là bà Trinh có mượn của ông

(Trần Phú Q) số tiền 335.000.000đ nhận tiền trong ngày 25/10/2018. Khi nhận tiền, có mặt chồng của bà Trinh là ông Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay xong thì bà Trinh không trả tiền gốc, lãi. Ông đã nhiều lần đến gặp bà Trinh để yêu cầu bà Trinh trả lại số tiền gốc như đã thỏa thuận nhưng bà Trinh chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Đến khoảng tháng 3/2019 thì bà Trinh có trả cho ông được 100.000.000đ nên còn nợ lại 235.000.000đ cho đến nay. Ông yêu cầu bà Đỗ Bảo Thọ T và ông C phải có N vụ liên đới trả cho ông số tiền vốn còn nợ là 235.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/10/2018 cho đến ngày xét xử.

* Bị đơn bà Đỗ Bảo Thọ T và ông Nguyễn Văn C không gửi tự khai trình bày ý kiến cho Tòa án và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án.

Tại phiên tòa, ông Trần Hữu N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Đỗ Bảo Thọ T phải có N vụ trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 235.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/10/2018 cho đến ngày xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.LX có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo qui định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và N vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và N vụ: đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông N. Buộc bị đơn bà Trinh có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 235.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/10/2018 cho đến ngày xét xử. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu N đối với yêu cầu ông C có trách nhiệm liên đới trả nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Đỗ Bảo Thọ T và ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Bảo Thọ T và ông Nguyễn Văn C.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, ông Trần Hữu N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông C liên đới cùng với bà Trinh trả nợ; chỉ yêu cầu bà Trinh phải có N vụ trả cho ông số tiền gốc 235.000.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định kể từ ngày 25/10/2018 cho đến ngày xét xử.

Xét, biên nhận mượn tiền ngày 25/10/2018 thể hiện: bà Đỗ Bảo Thọ T có mượn của ông Trần Phú Q số tiền 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) và bà Trinh có ký tên, ghi họ tên phía dưới. Theo ông N, bà Trinh có trả cho ông N được 100.000.000đ, còn nợ lại 235.000.000đ cho đến nay.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường LS, thị xã TC thì Trần Hữu N sinh ngày 25/5/1977 vàTrần Phú Q là cùng một người. Vì vậy, ông N căn cứ Biên nhận nợ nêu trên khởi kiện bà Trinh, ông C là phù hợp.

Tòa án đã thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của ông N và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng qui định pháp luật, nhưng bà Trinh và ông C không đến Tòa án và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản bác nên được coi là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Trinh vay tiền nhưng không thực hiện N vụ theo thỏa thuận là vi phạm N vụ của bên vay nên ông N yêu cầu bà Đỗ Bảo Thọ T trả 235.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 25/10/2018 cho đến ngày xét xử là có căn cứ, xét chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Ngày 25/10/2018 cho đến ngày 06/02/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 15 tháng 11 ngày, lãi suất được áp dụng 0,83%/tháng (khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

235.000.000đ x 0,83%/tháng x 15 tháng 11 ngày = 29.972.684đ.

Như vậy, bà Đỗ Bảo Thọ T phải chịu trách nhiệm trả cho ông Trần Hữu N số tiền gốc 235.000.000đ và 29.972.684đ tiền lãi. Tổng cộng 264.972.684đ.

Tại phiên tòa, ông Trần Hữu N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông C và việc rút là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Trần Hữu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Đỗ Bảo Thọ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

+ Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu N:

1.1. Buộc bà Đỗ Bảo Thọ T có trách nhiệm trả cho ông Trần Hữu N số tiền 264.972.684 *(hai trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm tám mươi bốn)* đồng.

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu N đối với yêu cầu ông C có trách nhiệm liên đới trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Hữu N được nhận lại số tiền 5.875.000đ *(Năm triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004973 ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.LX.

3.2. Bà Đỗ Bảo Thọ T phải nộp số tiền 13.248.634đ *(Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, sáu trăm ba mươi bốn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Hữu N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Trinh và ông C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được giao để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AG giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.AG;
- Lưu: hồ sơ;VP.

**Lại Hiệp Phong**